

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ MINH AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ MINH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH AN URBAN INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HTĐT MINH AN

2. Mã số doanh nghiệp: 0109244928

3. Ngày thành lập: 01/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: minhan18999@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Quản lý vận hành nhà chung cư;	6820
2.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, tài chính, chứng khoán, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020
3.	Cho thuê xe có động cơ	7710
4.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
5.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
6.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
7.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
8.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
9.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
10.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
11.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
12.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

13.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
14.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
16.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
18.	Xây dựng nhà để ở	4101
19.	Xây dựng nhà không để ở	4102
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Xây dựng công trình điện	4221
22.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Xây dựng công trình thủy	4291
26.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật;	4299
29.	Phá dỡ	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
37.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
38.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.)	4543

40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210(Chính)
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;	5225
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ trông giữ phương tiện: Xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, xe ô tô;	5229
46.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810

6. Vốn điều lệ: 21.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.150.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ MINH TIẾN	Tổ dân phố Nhật Tảo 2, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.397.500	13.975.000.000	65,000	008095000039	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.397.500	13.975.000.000	65,000		
2	CHU MINH NGỌC	Số 14 – BT2 – Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	387.000	3.870.000.000	18,000	008091000004	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	387.000	3.870.000.000	18,000		

3	NGUYỄN THỊ HOA	Số 6, đường Phùng Hưng, tổ 16, Phường Trần Phú, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	107.500	1.075.000.000	5,000	073004870
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	107.500	1.075.000.000	5,000	
4	CHU XUÂN BÁU	Thôn 2, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	107.500	1.075.000.000	5,000	111366319
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	107.500	1.075.000.000	5,000	
5	LÊ HẢI PHƯƠNG	Phòng 7, C2 An Thành, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.950	709.500.000	3,300	0140750000 01
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	70.950	709.500.000	3,300	

6	DƯƠNG TRỌNG NGHĨA	Số 2 ngách 88/9 đường La Nội, tổ dân phố Hòa Bình, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.500	215.000.000	1,000	001072009699
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	21.500	215.000.000	1,000	
7	LƯU VĂN TẤN	Số 391, tổ 3, Thị trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.700	387.000.000	1,800	073048376
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	38.700	387.000.000	1,800	
8	BÙI ĐẮC HUY	Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.450	64.500.000	0,300	001079019823
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.450	64.500.000	0,300	

9	NGUYỄN THẾ ANH	Số 28, Ngõ 169 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.600	86.000.000	0,400	001075003823
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	8.600	86.000.000	0,400	
10	CHU THỊ VÂN	Tổ dân phố Nhật Tảo, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.300	43.000.000	0,200	008169000094
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.300	43.000.000	0,200	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/10/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 073473277

Ngày cấp: 13/11/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 6, Thị Trấn Vinh Quang, Huyện Hoàng Su Phì, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Nhà vườn số NV-24, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Ho và tên: BÙI ĐẮC HUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 25/12/1979

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079019823

Ngày cấp: 01/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội